**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội**  **dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | **Tục ngữ** | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | **Nghị luận về một vấn đề trong đời sống.** | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Tục ngữ | **Nhận biết**:  - Nhận biết được thể loại và đặc điểm của văn bản  - Nhận biết được nội dung của văn bản.  - Xác định được các biện pháp tu từ có trong văn bản  **Thông hiểu**:  - Hiểu được ý nghĩa, nội dung biểu đạt của các câu tục ngữ.  - Hiểu được ý nghĩa của việc sử dụng tục ngữ trong lời ăn tiếng nói hằng ngày.  **Vận dụng:**  - Nêu được ý nghĩa của câu tục ngữ.  **-** Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm. | | 3TN | 5TN | 2TL |  |
|  |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | **Nhận biết:**  **-** Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn bản, về vấn đề nghị luận.  - Xác định được cách thức trình bày đoạn văn.  **Thông hiểu:** Viết đúng về nội dung, về hình thức (Từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản…)  **Vận dụng:**  Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để làm bài.  **Vận dụng cao:**  Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục. | |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | | |  | **3TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | | |  | **60** | | **40** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **GV: Đặng Ngọc Thuỳ Trang**  **Email: trangdang1005@gmail.com**  **PHÒNG GD & ĐT**  **TRƯỜNG THCS** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II**  **NĂM HỌC 2023 – 2024**  **MÔN: NGỮ VĂN 7**  *Thời gian: 90 phút (Không kể thời gian phát đề)* |

1. **ĐỌC – HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi đã cho bên dưới**

1. *Con trâu là đầu cơ nghiệp.*
2. *Tấc đất tấc vàng.*
3. *Chuồng gà hướng Đông cái lông chẳng còn.*
4. *Được mùa cau, đau mùa lúa.*
5. *Trồng tre đất sỏi, trồng tỏi đất bồi.*
6. *Tháng Hai trồng cà, tháng Ba trồng đỗ.*
7. *Tháng Tám mưa trai, tháng Hai mưa thóc.*
8. *Tôm đi chạng vạng, cá đi rạng đông.*
9. *Nuôi lợn ăn cơm nằm, nuôi tằm ăn cơm đứng.*
10. *Làm ruộng không trâu, làm giàu không thóc.*
11. *Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống.*

(In trong *Kho tàng tục ngữ người Việt*, Nguyễn Xuân Kính (Chủ biên), NXB Văn hoá thông tin, 2003; *Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam*, Vũ Ngọc Phan, NXB Văn học, 2016)

**Câu 1:** Về nội dung, các câu tục ngữ trên thể hiện kinh nghiệm của nhân dân về điều gì?

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Thiên nhiên. | 1. Lao động sản xuất. |
| 1. Con người và xã hội. | 1. Thời tiết |

**Câu 2:** Em hãy xác định cặp vần trong câu tục ngữ sau:*“Tháng Tám mưa trai, tháng Hai mưa thóc.”*

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Tháng – tháng. | 1. Trai – Hai. |
| 1. Mưa – mưa. | 1. Trai – thóc. |

**Câu 3:** Em hãy cho biết câu tục ngữ sau có bao nhiêu vế?

*“Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống.”*

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Một vế. | 1. Ba vế. |
| 1. Hai vế. | 1. Bốn vế. |

**Câu 4:** Em hiểu như thế nào về ý nghĩa của câu tục ngữ: *“Nuôi lợn ăn cơm nằm, nuôi tằm ăn cơm đứng”*?

1. Sự vất vả của nghề nuôi tằm và sự nhàn hạ của nghề nuôi lợn.
2. Sự vất vả của nghề nuôi lợn và sự nhàn hạ của nghề nuôi tằm.
3. Sự vất vả của nghề chăn nuôi.
4. Sự vất vả của nghề trồng trọt.

**Câu 5**: Câu tục ngữ nào sau đây ***không*** cùng nội dung với các câu tục ngữ đã cho ở ngữ liệu trên?

1. Ráng mỡ gà có nhà thì giữ.
2. Ruộng không phân như thân không của.
3. Nhất canh trì, nhì canh viên, tam canh điền.
4. Khoai ruộng lạ, mạ ruộng quen.

**Câu 6**: Trong các câu sau, câu nào là thành ngữ?

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Chân cứng đá mềm. | 1. Ăn quả nhớ kẻ trồng cây. |
| 1. Ăn cỗ đi trước, lội nước theo sau. | 1. Tháng bảy kiến bò chỉ lo lại lụt. |

**Câu 7:** Câu tục ngữ *“Chuồng gà hướng Đông, cái lông chẳng còn”* sử dụng biện pháp tu từ gì?

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Ẩn dụ. | 1. Nói giảm nói tránh. |
| 1. Nói quá | 1. Hoán dụ. |

**Câu 8:** Việc sử dụng tục ngữ trong giao tiếp có lợi ích ra sao?

A. Giúp cho lời nói nhẹ nhàng, bay bổng, nhằm diễn tả thế giới tâm tình của người nói

B. Giúp cho lời ăn tiếng nói lôi cuốn hơn, để đưa đẩy, rào đón người nghe.

C. Giúp cho lời nói kín đáo, bóng gió, không cho người nghe hiểu rõ ngay ý của người nói.

D. Giúp cho lời ăn tiếng nói thêm sâu sắc, sinh động, có tính biểu cảm cao.

**Câu 9:** Em hãy cho biết ý nghĩa của câu tục ngữ *“Con trâu là đầu cơ nghiệp”*.

**Câu 10:** Em có đồng tình với quan điểm của ông ta cha được thể hiện qua câu tục ngữ: *“Tấc đất tấc vàng”* không? Vì sao?

1. **LÀM VĂN (4.0 điểm)**

Hãy viết bài văn (*khoảng 1,5 trang giấy*) trình bày ý kiến của em về vai trò của việc đọc sách mỗi ngày.

***HẾT***

***Chúc các em tự tin và làm bài tốt!***

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD & ĐT**  **TRƯỜNG THCS** | **ĐÁP ÁN - BIỂU ĐIỂM**  **KIỂM TRA GIỮA KÌ II**  **NĂM HỌC 2023 – 2024**  **MÔN: NGỮ VĂN 7**  *Thời gian: 90 phút (Không kể thời gian phát đề)* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** | **ĐỌC HIỂU** | | **6.0** |
| **1** | B (Lao động sản xuất) | 0.5 |
| **2** | B (Trai – Hai) | 0.5 |
| **3** | D (Bốn vế) | 0.5 |
| **4** | A (Sự vất vả của nghề nuôi tằm và sự nhàn hạ của nghề nuôi lợn) | 0.5 |
| **5** | A (Ráng mỡ gà có nhà thì giữ) | 0.5 |
| **6** | A (Chân cứng đá mềm) | 0.5 |
| **7** | C (Nói quá) | 0.5 |
| **8** | D (Giúp cho lời ăn tiếng nói thêm sâu sắc, sinh động, có tính biểu cảm cao) | 0.5 |
| **9** | *\* HS nêu đúng ý nghĩa của câu tục ngữ.*  *- Trâu là loài động vật quen thuộc và quan trọng nhất đối với những người nông dân.*  *- Cơ nghiệp: sự nghiệp, quá trình tạo dựng tài sản cho cuộc sống.*  *🡪 Nghĩa cả câu: Con trâu là loài động vật rất quan trọng và cần thiết trong sự nghiệp, cuộc sống của người dân ngày xưa.*  *\* HS nêu được một phần ý nghĩa của câu tự ngữ.*  *\* HS nếu không đúng ý nghĩa của câu tục ngữ hoặc không trả lời được.* | 1.0  0.5  0 |
| **10** | *\* HS nêu được ý kiến của bản thân (đồng tình/ không đồng tình) về thông điệp rút ra từ câu tục ngữ và trình bày được ý do thuyết phục.*  *\* HS nêu được ý kiến của bản thân (đồng tình/ không đồng tình) về thông điệp rút ra từ câu tục ngữ, trình bày lí do nhưng chưa thuyết phục.* | 1.0  0.5  0 |
| **II** | **VIẾT** | | **4.0** |
|  |  | **a.** Đảm bảo cấu trúc của một bài nghị luận: Bố cục ba phần, lập luận rõ ràng, chặt chẽ.  **b.** Xác định đúng yêu cầu bài viết: Vai trò của việc đọc sách mỗi ngày | 0.25  0.25 |
|  |  | c.Triển khai hợp lý nội dung bài văn  a. **Mở bài:**  +Giới thiệu vấn đề  + Đưa ra quan điểm: Đọc sách có nhiều ích lợi đối với mỗi người trong cuộc sống  **b. Thân bài:**  **-** Những loại sách thường đọc: sách khoa học, sách lịch sử, sách văn học, ….  - Bày tỏ ý kiến của em về những ích lợi của việc đọc sách :  + Đọc sách giúp ta mở rộng vốn hiểu biết, tích lũy tri thức  + Đọc sách giúp ta giải trí  + Bồi dưỡng tâm hồn, giúp ta biết sống đẹp, nhân văn hơn  + Trau dồi vốn từ vựng phong phú hơn,…  - Liên hệ bản thân:  + Luôn có ý thức đọc sách mỗi ngày, ở thư viện trường, ở nhà,..+  + Tham gia các hoạt động tuyên truyền ý nghĩa của việc đọc sách…  + Lên kế hoạch cho việc đọc sách của bản thân,…  **c. Kết bài**  - Khẳng định lại quan điểm của bản thân  - Rút ra bài học | 2.5 |
|  |  | *a.Sáng tạo*  Cách diễn đạt độc đáo, thể hiện lập luận mới mẻ về vấn đề. | 0.5 |
|  |  | *b.Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo đúng chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0.5 |